



Chương 8

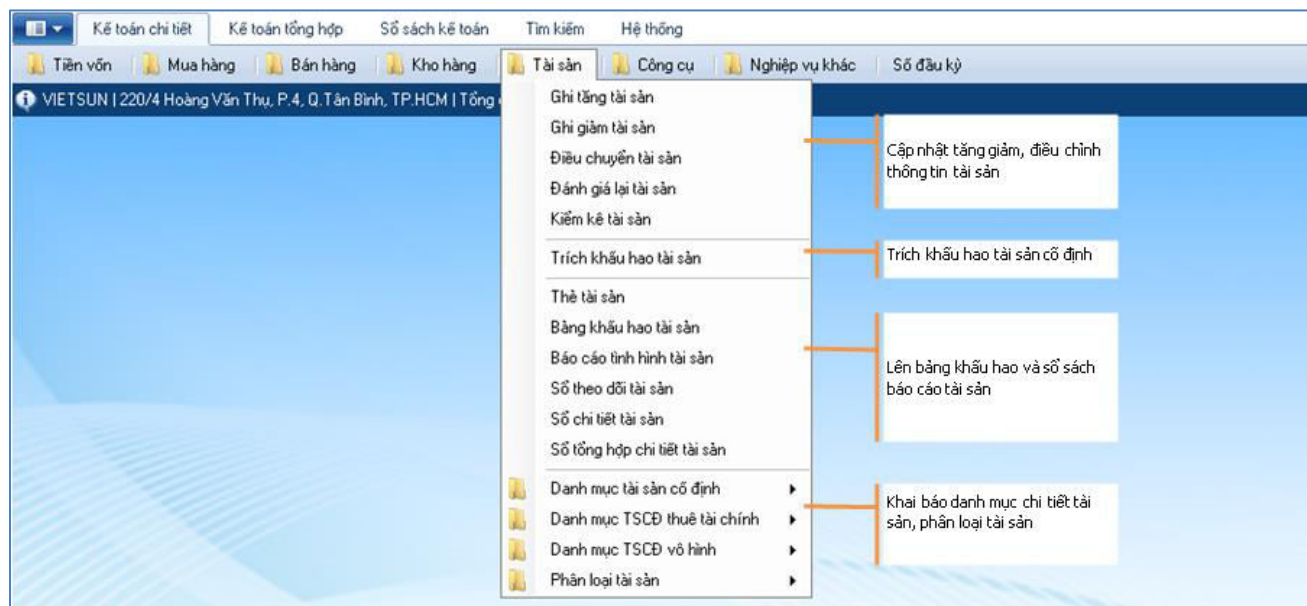
Tài sản cố định

Nội dung

8.0	Khái quát chung	2
8.0.1	Menu phân hệ	2
8.0.2	Một số lưu ý về tài sản	2
	Các bước thực hiện nghiệp vụ tài sản	2
	Lập chứng từ hạch toán đồng thời cập nhật tăng giảm tài sản	2
8.1	Nhập số dư đầu kỳ	3
1.	Màn hình nhập liệu	3
2.	Ý nghĩa các trường nhập liệu	4
8.2	Nghiệp vụ phát sinh tài sản	5
8.2.1	Ghi tăng tài sản	5
1.	Nhập chứng từ hạch toán phát sinh tăng	5
2.	Xem lại/sửa đổi thẻ ghi tăng tài sản	6
8.2.2	Ghi giảm tài sản	7
1.	Nhập chứng từ hạch toán phát sinh giảm	7
2.	Xem lại/sửa đổi thẻ ghi giảm tài sản	8
8.2.3	Điều chuyển tài sản	9
8.2.4	Đánh giá lại tài sản	10
8.2.5	Kiểm kê tài sản	10
8.2.6	Trích khấu hao tài sản	11
1.	Chức năng	11
2.	Màn hình thực hiện	11
3.	Một số lưu ý	11
	Báo cáo	12

8.0 Khái quát chung

8.0.1 Menu phân hệ



Menu chính của phân hệ Tài sản gồm:

- Cập nhật thông tin tài sản theo nghiệp vụ phát sinh
- Trích khấu hao tài sản cố định
- Lên bảng trích khấu hao và các sổ sách báo cáo tài sản
- Khai báo các danh mục chi tiết tài sản và phân loại tài sản

8.0.2 Một số lưu ý về tài sản

Các bước thực hiện nghiệp vụ tài sản

Để quản lý chi tiết tài sản cũng như trích khấu hao theo từng tài sản thì bạn thực hiện theo các bước:

- Khai báo chi tiết cho tài sản trước khi nhập sổ đầu kỳ, chứng từ phát sinh tăng.
- Lập chứng từ phát sinh tăng/giảm và cập nhật tăng/giảm thẻ tài sản
- Cuối tháng trích khấu hao

Lập chứng từ hạch toán đồng thời cập nhật tăng giảm tài sản

Khi nhập lưu chứng từ hạch toán phát sinh tăng giảm (N211 hoặc Có 211) thì VIETSUN sẽ hiện thẻ tài sản ngay tại màn hình lập chứng từ để bạn cập nhật tăng, giảm thông tin tài sản. Lúc này trong phân hệ Tài sản > phần ghi tăng/giảm tài sản sẽ tự có số liệu mà bạn đã cập nhật thẻ

8.1 Nhập số dư đầu kỳ

Phần hành này giúp bạn nhập số dư đầu kỳ chi tiết từng tài sản khi mới lần đầu sử dụng chương trình

Lưu ý: Bạn căn cứ vào bảng trích khấu hao năm trước để cập nhật thông tin tài sản, phần giá trị hao mòn lũy kế (= Nguyên giá – Giá trị còn lại) sẽ được chương trình tính và tự cập nhật vào số dư đầu kỳ TK 214

1. Màn hình nhập liệu

Vào **Kế toán chi tiết > Số dư đầu kỳ**

Số dư đầu kỳ

Tài khoản Chi tiết nhóm Phương tiện... ☒ Dư đầu kỳ ☐ Điều chỉnh số dư Loại tiền: VNĐ

STT	Mã hiệu	Tên đối tượng	Thành tiền	Số dư
Tổng số dư			0	
1	0001	Sơmi Romooc BKS: 51R-127.18		<input type="text"/> Dư nợ

Nhấn vào đây để nhập thẻ tài sản

Ghi tăng tài sản

Thông tin chung

Mã tài sản: 0001
Tên tài sản: Sơmi Romooc BKS: 51R-127.18
Nghiệp vụ: Dư đầu kỳ
Ngày ghi tăng: 31/12/2019 Số hiệu chứng từ: DK01
Nội dung: Dư đầu kỳ
Loại tài sản: Phương tiện vận tải
Bộ phận quản lý: Xưởng SX
Đặc điểm KT:
Ngày bảo dưỡng: Số tháng cần bảo dưỡng: 0 Ngày hết hạn bảo hành:

1. Giá trị tài sản 2. Ghi nợ tài khoản chi phí 3. Danh mục cần bảo dưỡng 4. Phụ tùng đi kèm 5. Chứng từ tham chiếu

Số lượng	1	Khấu hao theo	1.Tháng	Tỷ lệ %	20,00
Nguyên giá	268.181.818	Tiền khấu hao tháng			4.469.697
Giá trị còn lại	107.272.726	Tiền khấu hao tháng theo luật			4.469.697
Giá trị căn cứ khấu hao	268.181.818	Năm đưa vào sử dụng			31/12/2019
Giá trị căn cứ khấu hao theo luật thuế TNDN	268.181.818	Thời điểm khấu hao			31/01/2020
Số năm khấu hao	5,00	Phương pháp tính			1.Khấu hao
Tiền khấu hao năm	53.636.364	Ghi nợ tài khoản chi phí			6274
Tiền khấu hao năm theo luật thuế TNDN	53.636.364	Ghi có tài khoản hao mòn			21413

Lưu dữ liệu Hủy bỏ

2. Ý nghĩa các trường nhập liệu

Các trường nhập liệu	Chức năng, ý nghĩa
Thông tin chung	
Mã và tên tài sản	Tự ngầm định khi bạn kích vào chi tiết tài sản trước khi nhập thẻ
Nghịệp vụ	Chọn nghiệp vụ: Dư đầu kỳ, mua sắm mới, xây dựng cơ bản ...
Ngày ghi tăng	Ngày ghi tăng tài sản, theo ngày dư đầu kỳ hoặc ngày chứng từ
Số chứng từ	Tự hiện theo số chứng từ phát sinh
Nội dung	Tự hiện theo nội dung chứng từ phát sinh
Loại tài sản	Chọn loại tài sản để nhóm theo loại tài sản khi lên bảng khấu hao
Bộ phận quản lý	Chọn bộ phận sử dụng để nhóm theo bộ phận khi lên bảng khấu hao
Đặc điểm KT	Nhập đặc điểm riêng của tài sản để có thêm thông tin
Giá trị và tài khoản trích khấu hao	
Số lượng	Nhập số lượng tài sản
Nguyên giá	Nhập nguyên giá tài sản
Giá trị còn lại	Nhập giá trị còn lại của tài sản
Giá trị căn cứ khấu hao	Tự đề xuất bằng nguyên giá
Giá trị căn cứ khấu hao theo luật	Tự đề xuất bằng nguyên giá, nếu vượt mức thì nhập giá trị theo luật
Số năm khấu hao	Nhập số năm dựa theo khung thời gian khấu hao quy định
Tiền khấu hao năm	= Giá trị căn cứ khấu hao / số năm
Tiền khấu hao năm theo luật	= Giá trị căn cứ khấu hao theo luật / số năm
Khấu hao theo	Lựa chọn theo tháng hoặc ngày
Tiền khấu hao tháng	= Giá trị căn cứ khấu hao / (số năm x 12)
Tiền khấu hao theo luật	= Giá trị căn cứ khấu hao theo luật / (số năm x 12)
Năm đưa vào sử dụng	Nhập ngày đưa vào sử dụng, thường theo ngày chứng từ
Thời điểm khấu hao	Nhập ngày tháng bắt đầu trích khấu hao
Ghi nợ TK chi phí	Nhập tài khoản hạch toán chi phí khấu hao, khoản mục phí
Ghi có TK hao mòn	Nhập tài khoản hao mòn khi trích khấu hao

8.2 Nghiệp vụ phát sinh tài sản

8.2.1 Ghi tăng tài sản

Phần này giúp bạn cập nhật ghi tăng thẻ tài sản theo chứng từ đã hạch toán tăng. Tuy nhiên để đơn giản, để thực hiện thì VIETSUN cho phép khi bạn nhập lưu chứng từ hạch toán tăng thì sẽ tự động hiện thẻ ghi tăng tài sản để cập nhật ngay tại màn hình lập chứng từ.

1. Nhập chứng từ hạch toán phát sinh tăng

Bạn có thể vào **phần hành Mua hàng** hoặc **Nghiệp vụ kế toán khác** để lập chứng từ hạch toán tăng (N211/C331) theo hóa đơn mua tài sản, biên bản nghiệm thu xây dựng cơ bản hoàn thành

Mua hàng nội địa\Nhập mua nội địa - Bạn đang thêm mới

Thêm mới Import Lưu số liệu Thanh toán Chi phí Xuất dùng, sx Sửa đổi Xóa bỏ Tìm kiếm In phiếu Tài sản Hiện thị Máy tính Đặt lọc Trợ giúp Kết thúc

Ngày chứng từ: 05/05/2020 Tài khoản: 331 Số đầu kỳ: 0
Số chứng từ: 0004 Họ tên: Công ty TNHH Hapag Floyd
Quyển số: 01 Đơn vị: Công ty TNHH Hapag Floyd
Đơn vị tiền tệ: VND Địa chỉ: Phòng 3.3, Vicom 72 Lê Thánh Tôn, Q.1, TP.HCM
Hạn thanh toán: <Hạn thanh toán> Hình thức TT: <Hình thức thanh toán>
Lý do: Mua xe ô tô chở hàng

Thông tin chứng từ
Tổng hóa đơn: 262.200.000

TK	Mã hiệu	Nội dung	ĐVT	Kho	Số lượng	Đơn giá	Tiền hàng
		Tổng Cộng			1,00		262.200.000
1	2113	0002 Nhập mua TSCĐ (phương tiện vận tải) - Công ty TNHH Hapag Floyd			1,00	262.200.000,00	262.200.000
2							
3							
4							

0002 - Xe ô tô chở hàng

Ctrl+N - Thêm mới; Ctrl+E - Sửa; Ctrl+D - Xóa; Ctrl+S - Lưu; Ctrl+P - In; Ctrl+G - Giá gần nhất; F3 - Tìm khách hàng; ESC - Thoát

Mua hàng nội địa X

Khi nhấn lưu chứng từ chương trình hiện thẻ ghi tăng tài sản để bạn cập nhật thông tin:

Mua hàng nội địa\Nhập mua

Lập thẻ tài sản cố định

Thêm mới Import Lưu số liệu

Ngày chứng từ: 05/05/2020 Mã tài sản: 0002
Số chứng từ: 0004 Tên tài sản: Xe ô tô chở hàng
Quyển số: 01 Nghiệp vụ: Mua mới tài sản
Đơn vị tiền tệ: VND Ngày ghi tăng: 05/05/2020 Số hiệu chứng từ: 0004
Hạn thanh toán: <Hạn thanh toán> Nội dung: Mua xe ô tô chở hàng
Lý do: Mua xe ô tô Loại tài sản: Phương tiện vận tải
Bộ phận quản lý: Văn phòng
Đặc điểm KT:
Ngày bảo dưỡng: Số tháng cần bảo dưỡng: Ngày hết hạn bảo hành:
1. Giá trị tài sản 2. Ghi nợ tài khoản chi phí 3. Danh mục cần bảo dưỡng 4. Phụ tùng đi kèm 5. Chứng từ tham chiếu

Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị cần cù khấu hao	Giá trị cần cù khấu hao theo luật thuế TNDN	Số năm khấu hao	Tiền khấu hao năm	Tiền khấu hao năm theo luật thuế TNDN
1	262.200.000	262.200.000	262.200.000	262.200.000	5,00	52.440.000	52.440.000

Khấu hao theo: 1.Tháng Tỷ lệ %: 20,00
Tiền khấu hao tháng: 4.370.000
Tiền khấu hao tháng theo luật: 4.370.000
Năm đưa vào sử dụng: 05/05/2020
Thời điểm khấu hao: 31/05/2020
Phương pháp tính: 1.Khấu hao
Ghi nợ tài khoản chi phí: 6414
Ghi có tài khoản hao mòn: 21413

0002 - Xe ô tô chở hàng

Mua hàng nội địa X

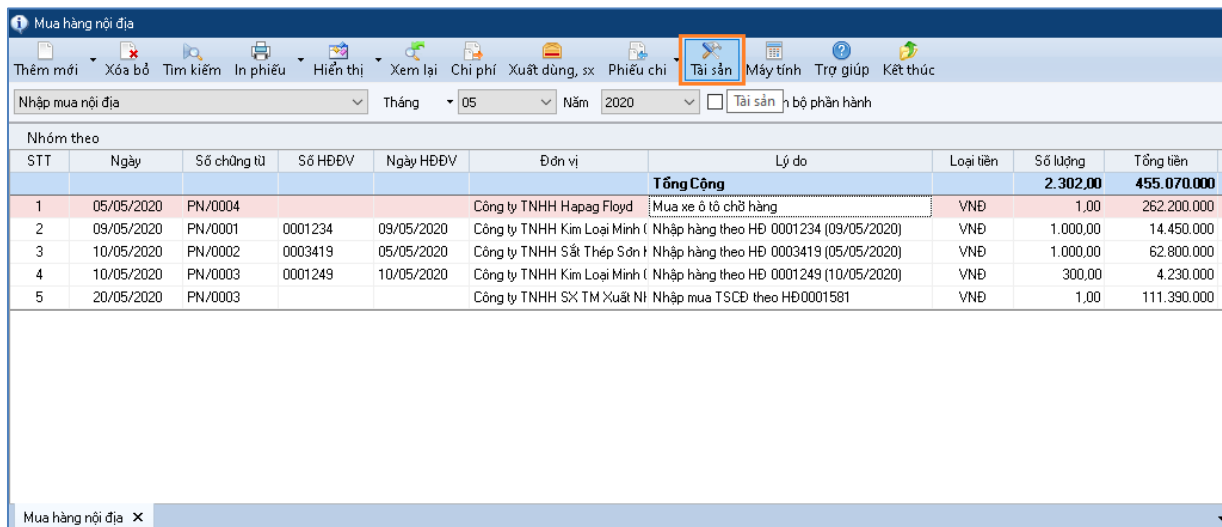
Lưu số liệu Hủy bỏ

hàng; ESC - Thoát

2. Xem lại/sửa đổi thẻ ghi tăng tài sản

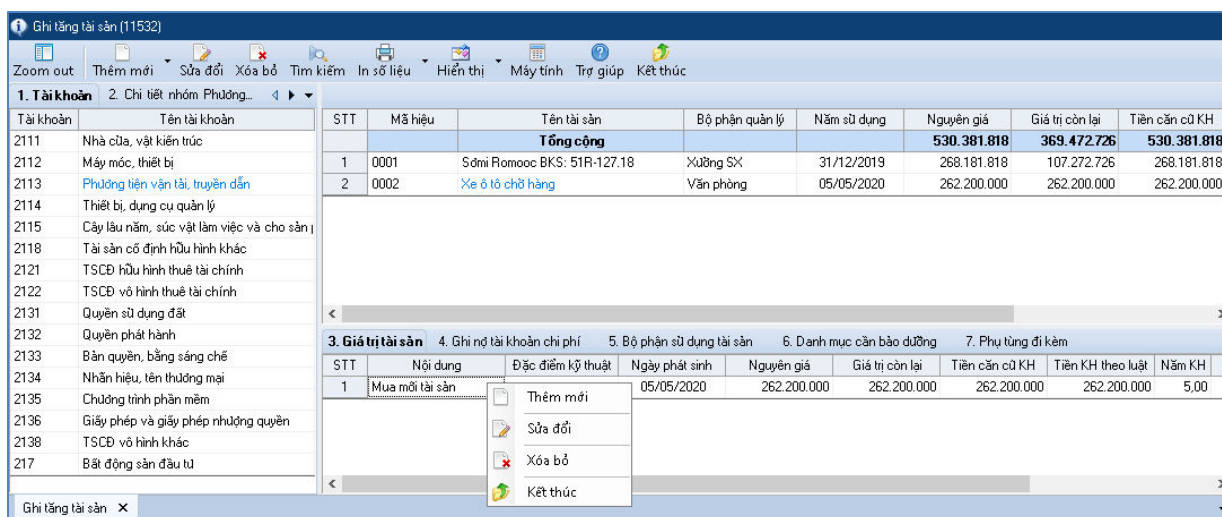
Trong chương trình để xem lại/sửa đổi thẻ ghi tăng tài sản thì bạn có thể thực hiện theo 2 cách:

- Xem lại chứng từ hạch toán tăng tài sản rồi nhấn vào biểu tượng Tài sản trên thanh công cụ



STT	Ngày	Số chứng từ	Số HĐBV	Ngày HĐBV	Đơn vị	Lý do	Loại tiền	Số lượng	Tổng tiền
1	05/05/2020	PN/0004			Công ty TNHH Hapag Floyd	Mua xe ô tô chở hàng	VND	1,00	262.200.000
2	09/05/2020	PN/0001	0001234	09/05/2020	Công ty TNHH Kim Loại Minh (Nhập hàng theo HĐ 0001234 (09/05/2020)	VND	1.000,00	14.450.000
3	10/05/2020	PN/0002	0003419	05/05/2020	Công ty TNHH Sắt Thép Sơn (Nhập hàng theo HĐ 0003419 (05/05/2020)	VND	1.000,00	62.800.000
4	10/05/2020	PN/0003	0001249	10/05/2020	Công ty TNHH Kim Loại Minh (Nhập hàng theo HĐ 0001249 (10/05/2020)	VND	300,00	4.230.000
5	20/05/2020	PN/0003			Công ty TNHH SX TM Xuất NI	Nhập mua TSCĐ theo HĐ0001581	VND	1,00	111.390.000
Tổng Cộng								2.302,00	455.070.000

- Vào phân hệ Tài sản > Ghi tăng tài sản



STT	Mã hiệu	Tên tài sản	Bộ phận quản lý	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tiền cần cù KH
1	0001	Sơ mi Romooc BKS: 51R-127.18	Xưởng SX	31/12/2019	268.181.818	107.272.726	268.181.818
2	0002	Xe ô tô chở hàng	Văn phòng	05/05/2020	262.200.000	262.200.000	262.200.000
Tổng cộng							

8.2.2 Ghi giảm tài sản

Tương tự trường hợp tăng tài sản, phần này giúp bạn cập nhật ghi giảm thẻ tài sản theo chứng từ đã hạch toán giảm. Tuy nhiên để đơn giản, để thực hiện thì VIETSUN cho phép khi bạn nhập lưu chứng từ hạch toán giảm thì sẽ tự động hiện thẻ ghi giảm tài sản để cập nhật ngay tại màn hình lập chứng từ.

1. Nhập chứng từ hạch toán phát sinh giảm

Bạn có thể vào phần hành **Nghiệp vụ kế toán khác** để lập chứng từ hạch toán giảm (N2141,811/C211; N2141,242/C211)

Thông tin chứng từ
Tổng cộng: 717.650.000

Nội dung	TK nợ	TK có	Thành tiền
Tổng Cộng			717.650.000
Thanh lý xe ô tô Innova	21413	2113	657.845.870
Thanh lý xe ô tô Innova	811	2113	59.804.130

Khi lưu chứng từ chương trình hiện thẻ ghi giảm tài sản để bạn cập nhật thông tin:

Thông tin chung

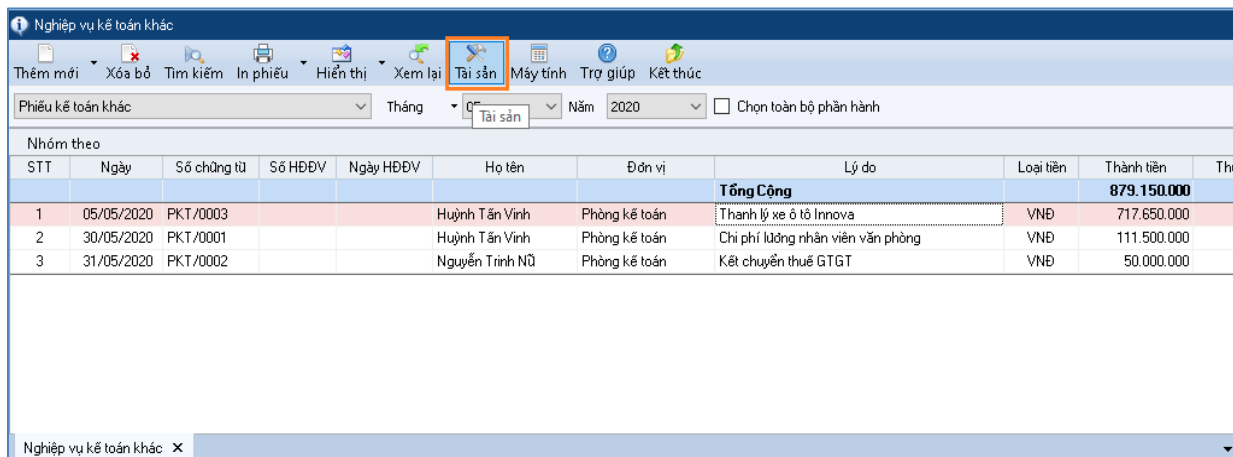
Mã tài sản: 0003
Tên tài sản: Xe ô tô Innova
Nghiệp vụ: Nhượng bán, thanh lý tài sản
Ngày thanh lý: 05/05/2020
Số hiệu chứng từ: 0003
Nội dung: Thanh lý xe ô tô Innova
Loại tài sản: Phương tiện vận tải
Bộ phận quản lý: Phòng giám đốc
Đặc điểm KT:
Ngày bảo dưỡng:
Số tháng cần bảo dưỡng: 0
Ngày hết hạn bảo hành:
1. Giá trị tài sản
Số lượng: 1
Nguyên giá: 717.650.000
Giá trị còn lại: 717.650.000
Giá trị cần khấu hao: 717.650.000
Giá trị cần khấu hao theo luật thuế TNDN: 717.650.000
Số năm khấu hao: 10,00
Tiền khấu hao năm: 71.765.000
Tiền khấu hao năm theo luật thuế TNDN: 71.765.000
2. Ghi nợ tài khoản chi phí
Khấu hao theo: 1.Tháng
Tiền khấu hao tháng: 5.980.417
Tiền khấu hao tháng theo luật: 5.980.417
Năm đưa vào sử dụng: 01/11/2010
Thời điểm khấu hao: 24/06/2020
Phương pháp tính: 1.Khấu hao
Ghi nợ tài khoản chi phí: 6424
Ghi có tài khoản hao mòn: 21411

Trường hợp phát sinh thu nhập từ nhượng bán tài sản thì bạn vào phần hành **Hóa đơn thu nhập khác** để hạch toán N131/C711,33311

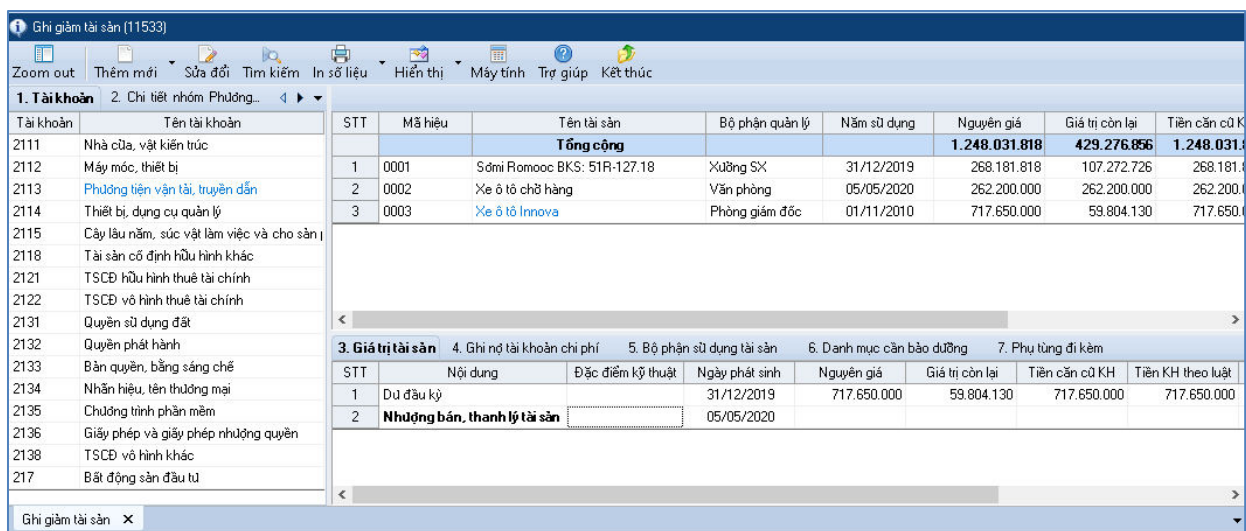
2. Xem lại/sửa đổi thẻ ghi giảm tài sản

Trong chương trình để xem lại/sửa đổi thẻ ghi giảm tài sản thì bạn có thể thực hiện theo 2 cách:

- Xem lại chứng từ hạch toán giảm tài sản rồi nhấn vào biểu tượng Tài sản trên thanh công cụ



- Vào phân hệ Tài sản > Ghi tăng tài sản



8.2.3 Điều chuyển tài sản

Phần này giúp bạn cập nhật điều chuyển tài sản từ bộ phận sử dụng này sang bộ phận sử dụng khác, có thể thay đổi tài khoản chi phí trích khấu hao, khoản mục phí

Vào Tài sản > Điều chuyển tài sản

Điều chuyển tài sản 2112

Zoom out Thêm mới Sửa đổi Tìm kiếm In số liệu Hiển thị Máy tính Trợ giúp Kết thúc

1. Tài khoản 2. Chi tiết nhóm Máy móc, thiết bị

Tài khoản	Tên tài khoản	STT	Mã hiệu	Tên tài sản	Bộ phận quản lý	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tiền cần cù KH
2111	Nhà cửa, vật kiến trúc								
2112	Máy móc, thiết bị	1	MM0001	Máy cắt đá tự động YMB400	Xưởng SX	20/05/2020	111.390.000	111.390.000	111.390.000
2113	Phương tiện vận tải, truyền dẫn								
2114	Thiết bị, dụng cụ quản lý								
2115	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm								
2118	Tài sản cố định hữu hình khác								
2121	TSCĐ hữu hình thuê tài chính								
2122	TSCĐ vô hình thuê tài chính								
2131	Quyền sử dụng đất								
2132	Quyền phát hành								
2133	Bản quyền, bằng sáng chế								
2134	Nhãn hiệu, tên thương mại								
2135	Chương trình phần mềm								
2136	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền								
2138	TSCĐ vô hình khác								
217	Bất động sản đầu tư								

3. Giá trị tài sản 4. Ghi nợ tài khoản chi phí 5. Bộ phận sử dụng tài sản 6. Danh mục cần bảo dưỡng 7. Phụ tùng đi kèm

STT Ngày sử dụng Tên bộ phận

1 20/05/2020 Xưởng SX

Thêm mới
Sửa đổi
Xóa bỏ
Kết thúc

Điều chuyển tài sản 2112

Zoom out Thêm mới Sửa đổi Tìm kiếm In số liệu Hiển thị Máy tính Trợ giúp Kết thúc

1. Tài khoản 2. Chi tiết nhóm Máy móc, thiết bị

Điều chuyển bộ phận quản lý

Thông tin chung

Mã tài sản: MM0001

Tên tài sản: Máy cắt đá tự động YMB400

Đến bộ phận quản lý: Xưởng SX

Ngày điều chuyển: 24/05/2020

Số biên bản:

Người giao:

Người nhận:

Lý do điều chuyển:

STT	Ngày áp dụng	TK hao mòn	TK chi phí	Tên đối tượng	Khoản mục phí	Tỷ lệ phân bổ
1	20/05/2020	21412	6274	Chi phí khấu hao TSCĐ	Chi phí khấu hao TSCĐ	100
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						

Lưu dữ liệu Hủy bỏ

Các trường nhập liệu	Chức năng, ý nghĩa
Đến bộ phận	Chọn đến bộ phận sử dụng
Ngày điều chuyển	Ngày điều chuyển
Ngày áp dụng	Ngày áp dụng để trích khấu hao theo TK chi phí
TK hao mòn	Không thay đổi
TK chi phí	Chọn lại TK chi phí, khoản mục phí nếu có

8.2.4 Đánh giá lại tài sản

Phần này giúp bạn đánh giá lại tài sản theo nghiệp vụ tăng giảm trong trường hợp làm tăng giảm thời gian sử dụng hoặc điều chỉnh giá trị, số năm khấu hao theo quyết toán, kiểm toán

Vào Tài sản > Đánh giá lại tài sản

Kích chọn tài sản > Nhấn Thêm mới

Đánh giá lại tài sản 2112

Đánh giá lại tài sản

Thông tin chung

Mã tài sản: MM0001
Tên tài sản: Máy cắt đá tự động YMB400
Nghiệp vụ: Nâng cấp TSCĐ làm tăng thời gian sử dụng hoặc giá trị tài sản
Ngày đánh giá: 20/05/2020
Số hiệu chứng từ: 0003
Nội dung: Nhập mua TSCĐ theo HĐ0001581
Loại tài sản: Nhà cửa vật kiến trúc
Bộ phận quản lý: Xưởng SX
Đặc điểm KT: mua mới
Ngày bảo dưỡng:
Số tháng cần bảo dưỡng: 0
Ngày hết hạn bảo hành:

1. Giá trị tài sản **2. Ghi nợ tài khoản chi phí** **3. Danh mục cần bảo dưỡng** **4. Phụ tùng đi kèm** **5. Chứng từ tham chiếu**

Số lượng: 1
Nguyên giá (trước/sau): 111.390.000
Giá trị còn lại: 111.390.000
Giá trị căn cứ khấu hao: 111.390.000
Số năm khấu hao: 5,00
Tiền khấu hao năm: 22.278.000
Tiền khấu hao năm theo luật thuế TNDN: 22.278.000

Khấu hao theo: 1.Tháng Tỷ lệ % 20,00
Tiền khấu hao tháng: 1.856.500
Tiền khấu hao tháng theo luật: 1.856.500
Năm đưa vào sử dụng: 20/05/2020
Thời điểm khấu hao: 31/05/2020
Phương pháp tính: 1.Khấu hao
Ghi nợ tài khoản chi phí: 6274
Ghi có tài khoản hao mòn: 21411

Đánh giá lại tài sản

Lưu dữ liệu Hủy bỏ

8.2.5 Kiểm kê tài sản

Phần này giúp bạn kiểm kê tài sản, lên danh sách các tài sản đang tồn tại và đánh giá tình hình chất lượng, xử lý tài sản.

Vào Tài sản > Kiểm kê tài sản

Kích chọn tài sản > Nhấn Thêm mới

Kiểm kê tài sản - Bạn đang thêm mới

Thêm mới | Lưu dữ liệu | Sửa đổi | Xóa bỏ | Tìm kiếm | In số liệu | Máy tính | Trợ giúp | Kết thúc

Ngày kiểm kê: 31/12/2020 | Loại tài sản: <Loại tài sản> | Ông (bà): | Chức vụ: |
Số hiệu: 0001 | Bộ phận quản lý: <Bộ phận quản lý> | Ông (bà): | Chức vụ: |
Lý do: | Ông (bà): | Chức vụ: |
Kết luận: | Ông (bà): | Chức vụ: |

Nhóm theo: (Bộ phận quản lý)

Loại tài sản	Mã TK	Mã hiệu	1 *	Tên tài sản	Nguyên giá	Căn cứ khấu hao	Hao mòn	Giá trị còn lại	Tồn tại	Chất lượng	Kiến nghị xử lý	Ghi chú
Tổng cộng					641.771.818	641.771.818	160.909.092	480.862.726				
Bộ phận quản lý: Văn phòng					262.200.000	262.200.000	0	262.200.000				
Phương tiện vận tải	2113	0002		Xe ô tô chở hàng	262.200.000	262.200.000	0	262.200.000				
Bộ phận quản lý: Xưởng SX					379.571.818	379.571.818	160.909.092	218.662.726				
Nhà cửa vật kiến trúc	2112	MM0001		Máy cắt đá tự động YMB400	111.390.000	111.390.000	0	111.390.000				
Phương tiện vận tải	2113	0001		Sơ mi Romooc BKS: 51R-127.18	268.181.818	268.181.818	160.909.092	107.272.726				

Kiểm kê tài sản X

8.2.6 Trích khấu hao tài sản

1. Chức năng

Phần này giúp bạn thực hiện trích khấu hao tài sản cố định vào cuối kỳ (cuối tháng), từ đó lên được bảng khấu hao tài sản, đồng thời hạch toán chi phí khấu hao và hao mòn vào sổ sách.

2. Màn hình thực hiện

Vào Tài sản > Trích khấu hao tài sản

Chọn thời gian > Tìm kiếm > Lưu dữ liệu

Trích khấu hao tài sản

Lựa chọn | Tìm kiếm | Lưu dữ liệu | Xóa dữ liệu | In số liệu | Máy tính | Trợ giúp | Kết thúc

Tháng: 05 | Năm: 2020 | ☐ Chỉ tiết mã tài khoản

Thẻ hiện tháng bạn đã trích khấu hao

Bạn đã khấu hao tháng: 1;2;3;4 năm 2020.

Nhóm theo: (Loại tài sản)

Tài khoản	Mã tài sản	1 *	Tên tài sản	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị tính khấu hao	Năm khấu hao	Số tiền khấu hao	TK chi phí
(A)	(B)		(C)	(D)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(E)
Tổng Cộng					641.771.818	462.983.938	641.771.818		10.696.197	
Loại tài sản: Nhà cửa vật kiến					111.390.000	111.390.000	111.390.000		1.856.500	
2112	MM0001		Máy cắt đá tự động YMB400	20/05/2020	111.390.000	111.390.000	111.390.000	5,00	1.856.500	6274
Loại tài sản: Phương tiện vận					530.381.818	351.593.938	530.381.818		8.839.697	
2113	0001		Sơ mi Romooc BKS: 51R-	31/12/2019	268.181.818	89.393.938	268.181.818	5,00	4.469.697	6274
2113	0002		Xe ô tô chở hàng	05/05/2020	262.200.000	262.200.000	262.200.000	5,00	4.370.000	6414

Trích khấu hao tài sản X

3. Một số lưu ý

- Khi trích khấu hao tài sản cần đảm bảo các trường hợp hạch toán, cập nhật thẻ tăng giảm tài sản được đầy đủ và khi thực hiện trích khấu hao cũng đảm bảo theo trình tự thời gian (Ví dụ nếu chưa trích tháng 4 thì chưa nên trích tháng 5)
- Trường hợp đã trích khấu hao, sau đó muốn bổ sung/sửa đổi thông tin tài sản thì bạn làm theo các bước ngược lại:

- Xóa bảng trích khấu hao có liên quan đến thời điểm cần thực hiện bổ sung/sửa đổi
Tại màn hình trích khấu hao này bạn chọn tháng/năm > Tìm kiếm > Xóa dữ liệu
- Xem lại chứng từ hạch toán tăng giảm > Nhấn biểu tượng Tài sản trên thanh công cụ
Hoặc có thể vào Tài sản > Ghi tăng/giảm tài sản để cập nhật
- Trích lại khấu hao tài sản cho các tháng đã xóa

Báo cáo

Báo cáo có liên quan được trình bày ngay trên menu của phân hệ:

- Thẻ tài sản
- Bảng khấu hao tài sản
- Báo cáo tình hình tài sản
- Sổ theo dõi tài sản cố định
- Sổ chi tiết tài sản cố định
- Sổ tổng hợp tài sản cố định

Bạn xem lại các thao tác chung lấy báo cáo ở Nội dung 2.6 – Chương 2